TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2026/DS-ST
Ngày: 22 – 4 – 2026
V/v "Tranh chấp vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ghết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Bạch Đằng

2. Ông Hà Phú Quý

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Kim Dung, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà:* Ông Trần Trung Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 04 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 309/2025/TLST–DS ngày 11 tháng 11 năm 2025 về "Tranh chấp vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2026/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 03 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số 53/256 khóm T, phường BL, tỉnh Cà Mau

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Phước Th, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp BC, xã CT, tỉnh Cà Mau

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp XN, xã HH, tỉnh Cà Mau

(Ông Trần Phước Th có đơn xin vắng mặt, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/11/2025, quá trình làm việc ông Trần Phước Th – đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 03/5/2019 Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu có Quyết định công nhận thỏa thuận số 14/2019/QĐST –DS công nhận sự thỏa thuận giữa bà

Nguyễn Thị Nh, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N. Theo đó bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Nh số tiền nợ gốc là 273.200.000 đồng và tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Ngày 27/5/2019, Chi cục thi hành án dân sự huyện VLông T, tỉnh Bạc Liêu có Quyết định thi hành án số 688/QĐ – CCTHADS để thi hành Quyết định số 14/2019/QĐST – DS với số tiền gốc là 273.200.000 đồng và lãi suất 10%/năm theo quy định.

Thời điểm này, ông Nguyễn Văn T chuẩn bị xuất cảnh lao động nước ngoài nhưng ông T vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thi hành án nên không làm thủ tục xuất cảnh được. Do đó, ngày 18/6/2019 giữa bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Nh có thỏa thuận với nhau là bà N, ông T mượn lại chính số tiền của bà Nh là 273.200.000 đồng để thi hành án. Bà Nguyễn Thị N có viết Biên nhận ngày 18/6/2019 với nội dung "vợ chồng Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị N có nhận của bà Nguyễn Thị Nh số tiền 273.200.000 đồng". Bà N viết biên nhận có sự chứng kiến của bà Quách Thị Bích V – chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự huyện VL, tỉnh Bạc Liêu chứng kiến. Sau khi thỏa thuận thì bà Nguyễn Thị Nh rút lại đơn yêu cầu thi hành án đối với ông T, bà N. Mặc dù biên nhận không ghi lãi suất nên bà Nh yêu cầu tính lãi là 10%/năm kể từ ngày 18/6/2019. Ngày 30/12/2022 bà N đã trả số tiền 4.000.000 đồng là trả tiền lãi. Từ đó đến nay bà N, ông T không trả thêm bất cứ khoản tiền nào cho bà.

Ngoài ra, ngày 08/5/2020 bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn T có thỏa thuận vay của bà Nguyễn Thị Nh số tiền 12.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 100.000 đồng trong 150 ngày. Lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng. Bà N đã góp được 18 ngày với số tiền 1.800.000 đồng thì bà N không trả nữa. Khi bà N góp tiền thì bà Nh có ghi lại số ngày gốp tiền, bà N có ký tên xác nhận. Số tiền 1.800.000 đồngbà Nguyễn Thị Nh trừ vào nợ gốc, Như vậy bà N, ông T còn nợ lại 10.200.000 đồng nợ gốc.

Nay bà Nguyễn Thị Nh khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T trả số tiền như sau:

Số tiền gốc 273.200.000 đồng. Tiền lãi tính từ ngày 18/6/2019 lãi suất 10%/năm cho đến khi trả hết nợ.

Số tiền gốc 10.200.000 đồng. Tiền lãi tính từ ngày 08/5/2020 đến khi trả hết nợ, lãi suất 20%/năm.

Ngày 21/4/2026 bà Nguyễn Thị Nh có đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn T tính tiền lãi từ ngày 18/6/2019 đến ngày 30/12/2022. Bà Nh yêu cầu tính tiền lãi của số tiền gốc 273.200.000 đồng từ ngày 31/12/2022 đến khi trả hết nợ lãi suất 10%năm.

Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đến Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nh.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 36, Điều 39, Điều 244 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nh đối với ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N đối với số tiền nợ gốc 273.200.000 đồng và nợ gốc 10.200.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nh đói với yêu cầu tính lãi từ ngày 18/6/2019 đến ngày 30/12/2022.

Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Bà Nguyễn Thị Nh khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp vay tài sản đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N cư trú tại ấp XN, xã HH, tỉnh Cà Mau. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau.

Ông Trần Phước Th – đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/11/2025 bà Nguyễn Thị Nh khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N trả số tiền Số tiền gốc 273.200.000 đồng. Tiền lãi tính từ ngày 18/6/2019 lãi suất 10%/năm cho đến khi trả hết nợ và số tiền gốc 10.200.000 đồng. Tiền lãi tính từ ngày 08/5/2020 đến khi trả hết nợ, lãi suất 20%/năm.

Ngày 21/4/2026 bà Nguyễn Thị Nh có đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn T tính tiền lãi từ ngày 18/6/2019 đến ngày 30/12/2022. Căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn T phải thanh toán số tiền gốc của hai khoản vay là 273.200.000 đồng và 10.200.000 đồng; Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại "Biên nhận ngày 18/6/2019" nội dung Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị N có nhận của bà Nguyễn Thị Nh số tiền 273.200.000 đồng, có chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N.

Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 03/2/2026 của bà Quách Thị Bích V – Chấp hành viên của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau xác định: "Bà Nguyễn Thị Nh, bà Nguyễn Thị Nh có thỏa thuận cách thức thi hành án theo Quyết định thi hành án số 688/QĐ – CCTHADS của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu. Bà Nh sẽ rút lại đơn yêu cầu thi hành án; đồng thời bà N viết lại một biên nhận nợ cho bà Nguyễn Thị Nh, xem như một khoản nợ mới. Biên nhận ngày 18/6/2019 do bà Nguyễn Thị N trực tiếp ký tên trước mặt bà".

Lời khai của bà Nguyễn Thị Nh phù hợp với các tài liệu, chứng cứ, có cơ sở xác định ngày 18/6/2019 bà Nguyễn Thị Nh cho bà N, ông T vay số tiền 273.200.000 đồng để thực hiện nghĩa vụ thi hành án là có xảy ra trên thực tế.

Ngày 08/5/2020 bà Nguyễn Thị Nh có cho bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn T vay thêm số tiền 12.000.000 đồng. Bà Nh có ghi giấy theo dõi việc trả góp hằng ngày, bà Nguyễn Thị N có ký tên xác nhận. Theo đó bà N đã trả được 18 ngày với số tiền 1.800.000 đồng. Bà Nh xác định số tiền này trả cho nợ gốc. Do đó số tiền nợ gốc mà bà N, ông T còn nợ lại là 10.200.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền nợ gốc mà bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn T còn nợ lại bà Nguyễn Thị Nh của hai khoản vay là 283.400.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Nh khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn T trả số tiền nợ của hai khoản vay là 283.400.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu tính tiền lãi của bà Nguyễn Thị Nh: Yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 31/12/2022 đến khi trả hết nợ của số tiền 273.200.000 đồng lãi suất 10%/năm và tính tiền lãi của số tiền nợ gốc 10.200.000 đồng từ ngày 08/5/2020 đến khi trả hết nợ, lãi suất 20%/năm. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Đối với yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 31/12/2022 đến khi trả hết nợ của số tiền 273.200.000 đồng lãi suất 10%/năm: Căn cứ "Biên nhận ngày 18/6/2019" thì giữa bà Nguyễn Thị Nh và bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn T không thỏa thuận về lãi suất. Bà N, ông T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà Nh là vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Căn cứ khoản 4 Điều 468 BLDS: *"Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác."*

Do các bên không thỏa thuận lãi suất nên lãi suất được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là 10%/năm. Bà Nguyễn Thị Nh yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 31/12/2022. Tiền lãi được tính như sau:

Số tiền 273.200.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 31/12/2022 đến ngày xét xử (22/4/2026) là 3 năm 3 tháng 22 ngày:

273.200.000 đồng x 10%/năm x 3 năm 3 tháng 22 ngày = 90.459.555 đồng.

- Đối với yêu cầu tính tiền lãi số tiền 10.200.000 đồng, lãi suất 20%/năm từ ngày 08/5/2020 đến khi trả hết nợ. Bà Nh và bà N thỏa thuận tiền vay là 12.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng là vượt quá lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nay bà Nguyễn Thị Nh yêu cầu tính tiền lãi với lãi suất 20%/năm là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Số tiền 10.200.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 08/5/2020 đến ngày 22/4/2026 là 5 năm 11 tháng 18 ngày:

10.200.000 đồng x 20%/năm x 5 năm 11 tháng 18 ngày = 12.149.333 đồng.

Tổng số tiền lãi bà N, ông T còn phải trả cho bà Nh là:

90.459.555 đồng + 12.149.333 đồng = 102.608.888 đồng.

Như vậy tổng số tiền mà bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn T còn nợ lại bà Nguyễn Thị Nh là 283.400.000 đồng nợ gốc và 102.608.888 đồng tiền lãi.

Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nh đối với ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N.

[3] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[4] Về án phí: ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 244, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nh đối với ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N đối với số tiền nợ gốc 283.400.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 31/12/2022 đến ngày xét xử của số tiền

273.200.000 đồng lãi suất 10%/năm, tiền lãi từ ngày 08/5/2020 đến ngày xét xử của số tiền 10.200.000 đồng, lãi suất 20%/năm.

Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N trả cho bà Nguyễn Thị Nh số tiền nợ gốc là 283.400.000 đồng, tiền lãi là 102.608.888 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nh đối với yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 18/6/2019 đến ngày 30/12/2022 của số tiền 273.200.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn T phải chịu toàn bộ án phí số tiền 19.300.444 đồng.

Bà Nguyễn Thị Nh đã nộp tạm ứng án phí 11.295.000 đồng tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7- Cà Mau, tỉnh Cà Mau, theo biên lai thu số 0004363 ngày 11/11/2026. Được hoàn lại toàn bộ số tiền đã nộp.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cà Mau;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu: HS; VT-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Mỹ Ghết